

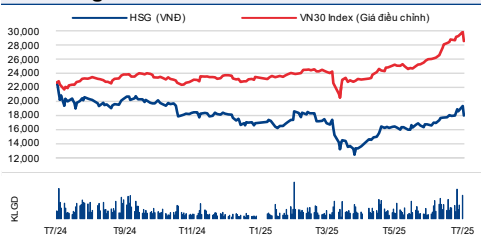
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ18,500
Tiềm năng tăng/giảm: 2.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/7/2025)	18,000
Mã Bloomberg	HSG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	12,500-22,250
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	18,667
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	11,178
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	426
Sig CP lưu hành (tr.đv)	621
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	304
Sig CP NN được mua (tr.đv)	248
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	9.13%
Tỷ lệ freefloat	51.6%
Cổ đông lớn	HSIT (19.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg9	09-24A	09-25F	09-26F
DT thuần (tỷ đồng)	39,272	42,677	47,039
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,413	1,752	1,734
LNTT (tỷ đồng)	551	929	1,109
LNT ĐC (tỷ đồng)	479	808	941
FCF (tỷ đồng)	(2,185)	972	588
EPS ĐC (đồng)	777	1,300	1,515
DPS (đồng)	500	1,000	1,000
BVPS (đồng)	17,697	16,927	17,443
T.trưởng EBITDA (%)	8.08	24.0	(1.00)
T.trưởng EPS ĐC (%)	1,615	67.4	16.5
Tăng trưởng DPS (%)	0	100	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.60	4.11	3.69
Tỷ suất LNTT (%)	1.40	2.18	2.36
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.31	2.03	2.15
Tỷ lệ LN trả CT (%)	59.8	71.5	61.4
Nợ thuần/VCSH (%)	45.5	30.6	28.0
ROAE (%)	4.75	8.11	9.48
ROACE (%)	3.90	8.19	8.95
EV/doanh thu (lần)	0.40	0.33	0.30
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.2	8.08	8.05
P/E ĐC (lần)	23.2	13.8	11.9
P/B (lần)	1.02	1.06	1.03
Lợi suất cổ tức (%)	2.78	5.56	5.56

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HSG là một trong những doanh nghiệp đầu ngành thép Việt Nam với hệ thống phân phối rộng khắp. Các sản phẩm chính của HSG bao gồm tôn thép, ống thép và ống nhựa.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q3/NĐTC 2024-2025: Lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi giảm 22% so với cùng kỳ do sản lượng tiêu thụ giảm

- Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần Q3/NĐTC 2024-2025 (năm tài chính kết thúc vào tháng 9) đạt lần lượt 9,5 nghìn tỷ đồng (giảm 12% so với cùng kỳ nhưng tăng 13% so với quý trước) và 274 tỷ đồng (đi ngang so với cùng kỳ nhưng tăng 32% so với quý trước), sát với dự báo của HSC.
- Trong giai đoạn này, HSG ghi nhận 42 tỷ đồng lãi tỷ giá (tăng 885% so với cùng kỳ nhưng giảm 57% so với quý trước) và 36 tỷ đồng từ các khoản thu nhập khác (tăng 151% so với cùng kỳ và tăng 292% so với quý trước). Loại trừ các khoản này, lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi Q3/NĐTC 2024-2025 đạt khoảng 201 tỷ đồng, giảm 22% so với cùng kỳ nhưng có chuyển biến lợi nhuận so với lỗ thuần từ HĐKD cốt lõi 19 tỷ đồng trong Q2/NĐTC 2024-2025.
- Theo đó, trong 9 tháng đầu NĐTC 2024-2025, lợi nhuận thuần và lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đạt lần lượt 647 tỷ đồng (giảm 7% so với cùng kỳ) và 326 tỷ đồng (giảm 47% so với cùng kỳ). Với kết quả trên, HSG hoàn thành 75% dự báo lợi nhuận thuần cho NĐTC 2024-2025 của chúng tôi. Duy trì khuyến nghị Năm giữ với giá mục tiêu 18.500đ (tiềm năng tăng giá 2%)..

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/NĐTC 2024-2025

Sáng ngày 30/7/2025, HSG công bố BCTC hoàn chỉnh, cho thấy doanh thu thuần/lợi nhuận thuần sát với KQKD sơ bộ. Theo đó, lợi nhuận thuần đạt 274 tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ nhưng tăng 32% so với quý trước, cao hơn so với dự báo của HSC ở mức 270 tỷ đồng. Mặc dù KQKD vững chắc nhưng lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi được dự báo giảm 22% so với cùng kỳ, do sản lượng xuất khẩu giảm. Chi tiết như sau:

Doanh thu giảm 12% so với cùng kỳ do xuất khẩu kém

Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), HSG bán chỉ 462.157 tấn thép thành phẩm, giảm 10,3% so với cùng kỳ do xuất khẩu kém nhưng tăng 9,9% so với quý trước do yếu tố mùa vụ. Với kết quả trên, doanh thu thuần quý 3 và 9 tháng đầu năm giảm 12,3%/3,4% so với cùng kỳ xuống 9,5 nghìn tỷ đồng (mặc dù tăng 12,5% so với quý trước) và 28,2 nghìn tỷ đồng. Theo đó, Công ty hoàn thành 66% dự báo doanh thu thuần cho NĐTC 2024-2025 của HSC ở mức 42,7 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 9%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/NĐTC 2024-2025, HSG

Lợi nhuận 'cốt lõi' giảm 22% so với cùng kỳ do sản lượng tiêu thụ giảm, mặc dù đảo chiều so với quý trước

Tỷ đồng	Q3/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T/24	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	9,509	-12.3%	12.5%	28,181	-3.4%
Lợi nhuận gộp, báo cáo	1,213	-9.3%	12.7%	3,495	2.6%
Lợi nhuận gộp cốt lõi	1,213	-9.3%	30.2%	3,349	-4.6%
Tỷ suất lợi nhuận gộp cốt lõi	12.8%	+0.5ppts	+1.8 ppts	11.9%	-0.1 ppts
Chi phí BH&QL	959	-6.9%	5.7%	2,858	2.7%
Chi phí BH&QL/ Doanh thu	10.1%	+0.6 ppts	-0.6 ppts	10.1%	+0.6 ppts
LNTT, báo cáo	290	1.1%	26.5%	709	-1.1%
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng HTK	0	n/a	-100.0%	145	9T/24 trích lập dự phòng: 107 tỷ đồng
Lãi/lỗ tỷ giá	42	885.3%	-56.5%	155	5.0%
Thu nhập khác	36	150.8%	291.7%	51	34.3%
LNTT cốt lõi	213	-20.8%	đảo chiều	357	-44.1%
Lợi nhuận thuần, báo cáo	274	0.1%	31.9%	647	-7.1%
Lợi nhuận cốt lõi	201	-21.6%	đảo chiều	326	-47.4%

Nguồn: HSG, HSC

- Sản lượng xuất khẩu giảm 32% so với cùng kỳ (mặc dù đi ngang so với quý trước) xuống chỉ còn 166.917 tấn, và đóng góp 36% tổng sản lượng tiêu thụ thép Q3/NĐTC 2024-2025 của HSG, thấp hơn so với mức 47% của cùng kỳ năm ngoái.
- Sản lượng tiêu thụ trong nước phục hồi 9% so với cùng kỳ nhờ nhu cầu cải thiện (tăng 16% so với quý trước nhờ yếu tố mùa vụ) đạt 295.240 tấn nhưng không thể bù đắp hoàn toàn cho phần sụt giảm của sản lượng xuất khẩu.
- HSC cũng dự báo sản lượng tiêu thụ ống nhựa đạt 13.000 tấn, tăng 11% so với cùng kỳ và tăng 6% so với quý trước, được hỗ trợ bởi các hoạt động đầu tư công và sự phục hồi của thị trường BĐS.

Đối với giá bán bình quân, chúng tôi dự báo giá bán bình quân quý 3 đạt 20 triệu đồng/tấn, giảm 2,7% so với cùng kỳ nhưng tăng 2,5% so với quý trước.

Lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi giảm 22% so với cùng kỳ do doanh thu thuần giảm

Trong Q3/NĐTC 2024-2025, lợi nhuận thuần của HSG đi ngang so với cùng kỳ ở mức 274 tỷ đồng (tăng 32% so với quý trước) nhờ tỷ suất lợi nhuận cải thiện mặc dù doanh thu thuần giảm 12% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng, trong giai đoạn này, HSG ghi nhận:

- 42 tỷ đồng lãi tỷ giá, so với 4 tỷ đồng trong cùng kỳ năm ngoái. Đây chủ yếu là kết quả của việc giảm phụ thuộc vào nguồn HRC nhập khẩu (giảm xuống 30% từ 60% trong giai đoạn này) và doanh thu xuất khẩu cao hơn nhu cầu USD trong bối cảnh đồng USD tăng giá, mặc dù giảm 57% so với quý trước.
- 36 tỷ đồng thu nhập khác, chủ yếu từ thanh lý tài sản cố định, so với 14 tỷ đồng trong Q3/NĐTC 2023-2024 và 9 tỷ đồng trong Q2/NĐTC 2024-2025.
- Trong Q3/NĐTC 2024-2025, HSG không ghi nhận bất kỳ khoản trích lập dự phòng hoặc hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho nào. Nhưng trong Q2/NĐTC 2024-2025, HSG ghi nhận 145 tỷ đồng hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho.

Loại trừ các khoản này, lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi Q3/NĐTC 2024-2025 đạt khoảng 201 tỷ đồng, giảm 22% so với cùng kỳ nhưng có chuyển biến lợi nhuận so với lỗ thuần từ HĐKD cốt lõi 19 tỷ đồng trong Q2/NĐTC 2024-2025.

Theo đó, trong 9 tháng đầu NĐTC 2024-2025, lợi nhuận thuần và lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đạt lần lượt 647 tỷ đồng (giảm 7% so với cùng kỳ) và 326 tỷ đồng (giảm 47% so với cùng kỳ). Lợi nhuận thuần đạt được đã hoàn thành 75% dự báo lợi nhuận thuần cho NĐTC 2024-2025 của chúng tôi ở mức 868 tỷ đồng, tăng trưởng 69%.

Các vấn đề về bảng CĐKT

Tính đến cuối tháng 6, HSG ghi nhận 8,04 nghìn tỷ đồng hàng tồn kho, giảm 21% so với cùng kỳ nhưng đi ngang so với quý trước, tương đương với 3 tháng sản xuất.

Về các khoản vay ngân hàng, tổng các khoản vay giảm 22% so với cùng kỳ nhưng tăng 31% so với quý trước lên 4.630 tỷ đồng. Nợ vay ngân hàng tăng là để tài trợ cho các hoạt động nâng cấp và bảo trì cơ sở vật chất trong kỳ. Tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH đã mở rộng lên 0,34 lần so với 0,27 lần trong quý trước nhưng vẫn khá an toàn ở mức này.

Duy trì khuyến nghị Nắm giữ; giữ nguyên giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận thuần cho NĐTC 2024-2025 ở mức 868 tỷ đồng, tăng 69% so với cùng kỳ, cho thấy lợi nhuận thuần Q4/NĐTC 2024-2025 đạt 221 tỷ đồng, chuyển biến lợi nhuận từ lỗ 186 tỷ đồng trong cùng kỳ năm ngoái. Lưu ý, HSG trích lập dự phòng hàng tồn kho 122 tỷ đồng trong cùng kỳ năm ngoái, làm giảm tỷ suất lợi nhuận gộp và chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp tăng cao. Chúng tôi dự báo Công ty không trích lập dự phòng hàng tồn

kho trong giai đoạn này và tỷ suất lợi nhuận gộp dự kiến sẽ ổn định hơn so với quý trước.

HSG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 12,8 lần, thấp hơn nhiều so với bình quân từ tháng 1/2023 ở mức 22,6 lần. Lưu ý rằng chúng tôi xem định giá hiện tại của HSG ở 'mức bình thường mới' do định hướng kinh doanh và triển vọng của Công ty đang thay đổi. Chúng tôi không cho rằng mức định giá này thấp, nhất là khi so sánh với công ty cùng ngành HPG, một công ty thép thuần túy hơn, đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm hấp dẫn hơn ở mức 10,9 lần. Duy trì khuyến nghị Nắm giữ với giá mục tiêu 18.500đ (tiềm năng tăng giá 2%).

Bảng 2: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ Q3/NĐTC 2024-2025, HSG

Giảm 10.3% so với cùng kỳ trong Q3 do xuất khẩu suy yếu

Tấn	Q3/2024	Q3/2025	So với cùng kỳ	so với quý trước	9T2024	9T2025	So với cùng kỳ
Tôn mạ	415,398	352,702	-15.1%	8.9%	1,150,945	1,071,155	-6.9%
Trong nước	175,793	190,434	8.3%	15.8%	451,992	540,291	19.5%
Xuất khẩu	239,605	162,268	-32.3%	1.7%	698,953	530,864	-24.0%
Ống thép	99,889	109,455	9.6%	13.2%	259,527	311,220	19.9%
Trong nước	95,345	104,806	9.9%	15.8%	244,477	292,295	19.6%
Xuất khẩu	4,544	4,649	2.3%	-25.2%	15,050	18,925	25.7%
Tổng sản lượng thép	515,287	462,157	-10.3%	9.9%	1,410,472	1,382,375	-2.0%
Tổng trong nước	271,138	295,240	8.9%	15.8%	696,469	832,586	19.5%
Tổng xuất khẩu	244,149	166,917	-31.6%	0.7%	714,003	549,789	-23.0%
Tỷ trọng doanh thu							
Trong nước	52.6%	63.9%			49.4%	60.2%	
Xuất khẩu	47.4%	36.1%			50.6%	39.8%	

Nguồn: VSA, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	09-23A	09-24A	09-25F	09-26F	09-27F
Doanh thu	31,651	39,272	42,677	47,039	52,515
Lợi nhuận gộp	3,061	4,264	4,848	5,192	6,039
Chi phí BH&QL	(2,884)	(3,840)	(3,969)	(4,233)	(4,726)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	177	423	879	958	1,312
Lãi vay thuần	(80.7)	87.2	13.0	110	94.5
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	49.9	40.6	36.8	40.5	45.3
LN TT	146	551	929	1,109	1,452
Chi phí thuế TNDN	(116)	(36.5)	(60.9)	(96.8)	(127)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.05)	(0.04)	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	30.0	515	868	1,012	1,325
Lợi nhuận thuần ĐC	27.9	479	808	941	1,232
EBITDA ĐC	1,308	1,413	1,752	1,734	2,091
EPS (đồng)	48.7	835	1,398	1,629	2,134
EPS ĐC (đồng)	45.3	777	1,300	1,515	1,985
DPS (đồng)	500	500	1,000	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	616	616	621	621	621
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	616	616	621	621	621
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	616	616	621	621	621

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	09-23A	09-24A	09-25F	09-26F	09-27F
Tiền & tương đương tiền	597	602	1,162	1,385	1,402
Đầu tư ngắn hạn	26.2	30.6	39.8	51.8	67.3
Phải thu khách hàng	2,322	2,985	2,987	3,293	3,676
Hàng tồn kho	7,629	9,712	9,816	10,349	11,028
Các tài sản ngắn hạn khác	701	844	917	1,011	1,128
Tổng tài sản ngắn hạn	11,275	14,174	14,922	16,089	17,302
TSCĐ hữu hình	4,833	3,915	2,855	2,117	1,388
TSCĐ vô hình	187	196	206	216	227
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	531	665	665	665	665
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	539	616	672	740	822
Tổng tài sản dài hạn	6,090	5,391	4,398	3,739	3,102
Tổng cộng tài sản	17,365	19,566	19,319	19,827	20,404
Nợ ngắn hạn	2,936	5,364	4,161	4,185	4,183
Phải trả người bán	2,885	2,328	3,841	3,763	3,676
Nợ ngắn hạn khác	433	635	442	648	658
Tổng nợ ngắn hạn	6,569	8,632	8,775	8,961	8,924
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0.71	0.71	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0.71	0.71	0	0	0
Tổng nợ phải trả	6,585	8,649	8,792	8,980	8,945
Vốn chủ sở hữu	10,764	10,901	10,512	10,832	11,443
Lợi ích cổ đông thiểu số	16.1	16.1	16.1	16.1	16.1
Tổng vốn chủ sở hữu	10,780	10,917	10,528	10,848	11,459
Tổng nợ phải trả và VCSH	17,365	19,566	19,319	19,827	20,404
BVPS (đ)	17,475	17,697	16,927	17,443	18,427
Nợ thuần*/(tiền mặt)	2,339	4,762	3,000	2,800	2,781

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	09-23A	09-24A	09-25F	09-26F	09-27F
EBIT	177	423	879	958	1,312
Khấu hao	(1,131)	(990)	(873)	(776)	(779)
Lãi vay thuần	(80.7)	87.2	13.0	110	94.5
Thuế TNDN đã nộp	(54.1)	(84.9)	(139)	(222)	(290)
Thay đổi vốn lưu động	1,238	(3,005)	(698)	(1,005)	(1,258)
Khác	(629)	311	49.8	150	140
LCT thuần từ HKKD	1,866	(1,415)	1,058	682	690
Đầu tư TS dài hạn	(374)	(771)	(85.4)	(94.1)	(105)
Góp vốn & đầu tư	(17.6)	(4.26)	4.68	6.49	9.48
Thanh lý	41.6	50.9	61.3	61.4	61.5
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(350)	(724)	(19.5)	(26.2)	(34.0)
Cổ tức trả cho CSH	0	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	22.1	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(1,251)	2,428	(386)	(317)	(471)
Khác	(0.01)	(308)	(92.7)	(115)	(169)
LCT thuần từ HĐTC	(1,251)	2,142	(479)	(432)	(639)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	330	597	602	1,162	1,385
LCT thuần trong kỳ	265	3.55	559	223	17.0
Ảnh hưởng của tỷ giá	1.54	1.66	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	597	602	1,162	1,385	1,402
Dòng tiền tự do	1,492	(2,185)	972	588	585

Các chỉ số tài chính	09-23A	09-24A	09-25F	09-26F	09-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	9.67	10.9	11.4	11.0	11.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	4.13	3.60	4.11	3.69	3.98
Tỷ suất LNT (%)	0.09	1.31	2.03	2.15	2.52
Thuế TNDN hiện hành (%)	79.4	6.63	6.55	8.73	8.73
Tăng trưởng doanh thu (%)	(36.3)	24.1	8.67	10.2	11.6
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(25.0)	8.08	24.0	(1.00)	20.6
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(88.1)	1,615	68.7	16.5	31.0
Tăng trưởng EPS (%)	(88.4)	1,615	67.4	16.5	31.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(88.4)	1,615	67.4	16.5	31.0
Tăng trưởng DPS (%)	nm	0	100	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	1,026	59.8	71.5	61.4	46.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	0.28	4.75	8.11	9.48	11.9
ROACE (%)	1.62	3.90	8.19	8.95	11.7
Vòng quay tài sản (lần)	1.84	2.13	2.20	2.40	2.61
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	10.6	(3.34)	1.20	0.71	0.53
Số ngày tồn kho	97.4	101	94.7	90.3	86.6
Số ngày phải thu	29.6	31.1	28.8	28.7	28.9
Số ngày phải trả	36.8	24.3	37.1	32.8	28.9
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	23.1	45.5	30.6	28.0	26.6
Nợ/tài sản (%)	17.7	28.4	22.7	22.3	21.8
EBIT/lãi vay (lần)	2.19	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	2.35	3.94	2.50	2.55	2.13
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.72	1.64	1.70	1.80	1.94
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.42	0.40	0.33	0.30	0.27
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.3	11.2	8.08	8.05	6.66
P/E (lần)	369	21.5	12.9	11.0	8.43
P/E ĐC (lần)	397	23.2	13.8	11.9	9.07
P/B (lần)	1.03	1.02	1.06	1.03	0.98
Lợi suất cổ tức (%)	2.78	2.78	5.56	5.56	5.56

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn